

PHỤ LỤC I: DỰ KIẾN TỔNG THỂ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
1	Phường Tuy Hòa	59	37.746	42	17	0	14	45		719	-134	585
2	Phường Bình Kiến	23	12.858	15	8	0	7	16		230	-23	207
3	Phường Xuân Đài	11	5.692	5	6	0	5	6		104	-20	84
4	Phường Sông Cầu	18	11.066	13	2	3	2	16	Tổ dân phố: Long Phước Đông (422 hộ), Long Hải (439 hộ), Long Bình (415 hộ) có vị trí bao bọc bởi sông, diện tích rộng, địa hình chia cắt, có các công trình, dự án đầu tư đô thị hóa, tái định cư	184	1	185
5	Xã Sơn Thành	20	7.418	10	10	0	7	13		231	-48	183
6	Xã Tây Hòa	21	14.853	21	0	0	0	21		259	0	259
7	Xã Phú Hòa 2	15	10.702	15	0	0	0	15	Đảm bảo tiêu chuẩn, không thực hiện sắp xếp	210	0	210
8	Xã Phú Hòa 1	18	15.128	16	1	1	2	16	Buôn Hồ Hầm (147 hộ), 100% đồng bào DTTS, có phong tục, tập quán riêng biệt	179	-9	170

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
9	Xã Tuy An Nam	14	8.912	9	5	0	4	10		153	-30	123
10	Xã Tây Sơn	20	2.340	1	19	0	13	7		254	-130	124
11	Xã Vân Hòa	11	2.077	1	8	3	4	7	Thôn Hòa Ngãi (131 hộ), Hòa Bình (222 hộ), Xuân Sơn (124 hộ) có vị trí địa lý bị chia cắt, DTTS, khoảng cách với các thôn liền kề xa	105	-16	89
12	Xã Xuân Phước	8	4.623	7	0	1	0	8	Thôn Suối Mây (133 hộ) đặc biệt khó khăn, vị trí địa lý chia cắt, DTTS, phong tục tập quán riêng biệt	88	0	88
13	Xã Tuy An Tây	16	4.046	6	10	0	7	9		208	-91	117
14	Xã Tuy An Bắc	20	8.223	11	9	0	7	13		254	-62	192
15	Xã Ô Loan	25	12.023	15	10	0	9	16		199	-7	192
16	Xã Tuy An Đông	14	11.924	12	2	0	2	12		150	-18	132
17	Xã Xuân Thọ	11	3.005	4	5	2	3	8	Thôn Phương Lưu (280 hộ), Mỹ Lương (208 hộ) có diện tích lớn, địa hình chia cắt	111	-7	104

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
18	Xã Xuân Lộc	12	7.519	12	0	0	0	12	Đảm bảo tiêu chuẩn, không thực hiện sắp xếp	167	49	216
19	Xã Đồng Xuân	20	8.011	11	6	3	3	17	Thôn Kỳ Đu (115 hộ), Long Hòa (156 hộ) (, Long Thạch (222 hộ) có đồng đồng bào DTTS, địa hình chia cắt bởi sông Cô, biệt lập, địa bàn rộng, dân cư phân tán, giao thông khó khăn	232	-8	224
20	Xã Xuân Lãnh	13	3.255	4	9	0	4	9		162	-49	113
21	Xã Phú Mỹ	10	2.600	3	1	6	1	9	Thôn Phú Đồng (82 hộ), Phú Hải (78 hộ), Phú Tâm (210 hộ), Phú Tiến (294 hộ), Phú Giang (275 hộ), Phú Lợi (128 hộ) bị chia cắt bởi đồi núi, sông suối, khoảng cách giữa các thôn xa, có đồng DTTS, khác biệt về phong tục tập quán	100	26	126
22	Xã Xuân Cảnh	11	6.610	10	1	0	1	10		134	-11	123
23	Xã Sơn Hòa	27	11.744	15	12	0	13	14		323	-136	187

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
24	Xã Suối Trai	15	2.694	0	14	1	8	7	Thôn Hoàn Thành (146 hộ) có vị trí biệt lập, khoảng cách xa với các thôn lân cận	174	-76	98
25	Xã Sông Hinh	33	6.263	4	29	0	21	12		350	-182	168
26	Xã Đức Bình	19	4.166	5	14	0	11	8		201	-99	102
27	Xã Ea Bá	11	2.055	1	8	2	5	6	Buôn Chung (286 hộ) và buôn Bá (282 hộ) có người dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời từ trước năm 1975 có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, sinh hoạt riêng biệt; khoảng cách với các thôn liền kề xa	119	-42	77
28	Xã Ea Ly	12	3.188	5	7	0	5	7		156	-65	91
29	Phường Phú Yên	23	18.078	23	0	0	0	23		286	-4	282
30	Phường Đông Hòa	16	13.498	16	0	0	1	15		216	9	225
31	Phường Hòa Hiệp	14	14.616	14	0	0	0	14	Đảm bảo tiêu chuẩn, không thực hiện sắp xếp	185	0	185
32	Xã Hòa Thịnh	17	8.601	16	1	0	1	16		223	-12	211

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
33	Xã Hòa Mỹ	13	7.770	11	2	0	3	10		155	-35	120
34	Xã Hòa Xuân	13	6.308	11	2	0	4	9		169	-52	117
35	Xã Cư Yang	27	3.776	0	27	0	17	10		265	-155	110
36	Xã M'Drắk	32	5.736	2	29	1	16	16	Buôn Kcuah Ea H'Mlai (208 hộ) có đồng DTTS, phong tục tập quán riêng biệt	280	-90	190
37	Xã Cư Prao	20	3.597	0	20	0	12	8		175	-79	96
38	Xã Ea Riêng	24	3.886	1	22	1	12	12	Thôn 20 (213 hộ) có địa hình bị chia cắt bởi đồi núi, địa bàn rộng, dân cư phân tán, đồng đồng bào DTTS	217	-73	144
39	Xã Cư M'ta	16	2.987	0	14	2	7	9	Thôn 7 (255 hộ) và Thôn 9 (263 hộ) bị chia cắt bởi đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, dân cư phân tán, không tập trung; 100% là người DTTS, khác biệt về phong tục tập quán	169	-61	108

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
40	Xã Krông Á	16	2.698	1	14	1	7	9	Thôn 4A (145 hộ) có vị trí địa lý, địa hình chia cắt, khoảng cách xa với các thôn liền kề, DTTS, phong tục tập quán riêng	164	-56	108
41	Xã Ea Trang	10	1.668	0	8	2	5	5	Buôn Ea Bra (123 hộ), thôn Ea Boa (122 hộ) có vị trí địa lý, địa hình biệt lập, DTTS, phong tục tập quán riêng biệt, xa với các thôn liền kề	86	-41	45
42	Xã Ea Kar	98	21.264	17	81	0	62	36		882	-558	324
43	Xã Ea Knốp	45	8.284	5	40	0	23	22		443	-179	264
44	Xã Ea Păl	21	3.517	2	19	0	14	7		161	-77	84
45	Xã Ea Ô	30	5.522	4	26	0	17	13		296	-140	156
46	Xã Ea Drông	32	5.014	1	31	0	16	16		256	-112	144
47	Xã Tam Giang	34	5.768	0	33	1	18	16	Buôn Trấp (97 hộ) là buôn đồng bào DTTS, vùng sâu vùng xa, đặc biệt khó khăn, giao thông đi lại khó khăn	321	-129	192

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
48	Xã Phú Xuân	46	7.598	0	46	0	28	18		476	-260	216
49	Phường Thành Nhất	24	12.719	16	8	0	5	19		277	-49	228
50	Phường Ea Kao	25	13.558	18	7	0	7	18		252	-71	181
51	Xã Krông Ana	26	10.884	21	5	0	4	22		242	22	264
52	Xã Liên Sơn Lắk	31	6.364	4	27	0	16	15		276	-96	180
53	Xã Đăk Liêng	38	5.885	1	37	0	20	18		413	-162	251
54	Xã Đăk Phơi	19	3.364	0	18	1	10	9	Buôn Đăk Sar (161 hộ) có địa bàn vùng sâu, vùng xa; diện tích rộng, dân cư không tập trung; khoảng cách từ buôn đến trung tâm xã xa	192	-84	108
55	Xã Krông Nô	13	2.471	0	13	0	6	7		147	-63	84

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
56	Xã Nam Ka	8	1.547	0	7	1	3	5	Buôn Lách Ló (60 hộ) có vị trí địa lý biệt lập, DTTS, buôn cách mạng, lịch sử, văn hóa riêng biệt, khoảng cách với thôn liền kề xa	79	-24	55
57	Xã Krông Bông	30	5.281	1	28	1	17	13	Thôn 27 (249 hộ) đặc thù về vị trí địa lý, địa hình phức tạp, biệt lập, giao thông không thuận lợi	257	-127	130
58	Xã Dang Kang	28	4.711	1	27	0	15	13		270	-140	130
59	Xã Hòa Sơn	31	5.587	3	23	5	14	17	Buôn: Cuah (274 hộ), Yang Reh (233 hộ), Plum (205 hộ), Bãng Kung (217 hộ), Ja (160 hộ) có đông đồng bào DTTS, phong tục tập quán riêng biệt, địa bàn rộng, dân cư phân tán	342	-122	220
60	Xã Cư Pui	25	5.255	3	17	5	9	16	Buôn Tliêr (193 hộ), Cư Phiãgh (145 hộ), Thôn Ea Khiêm (283 hộ), Cư Tê (232 hộ), Ea Rốt (194 hộ) có địa bàn rộng, dân cư thưa thớt, biệt lập, DTTS tại chỗ, không gian văn hóa, phong tục tập quán đặc thù	206	-14	192

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
61	Xã Yang Mao	19	3.484	0	16	3	10	9	Buôn Cư Drăm (282 hộ), Tong Rang B (221 hộ), Cư Dhiăt (257 hộ) địa bàn rộng, dân cư phân tán, biệt lập, DTTS, phong tục tập quán riêng	186	-91	95
62	Xã Ea Kly	48	8.581	4	44	0	28	20		522	-282	240
63	Xã Ea Phê	53	10.102	1	50	1	32	21		565	-313	252
64	Xã Tân Tiến	25	5.961	7	18	1	11	14	Buôn Cư Drang (191 hộ) có địa bàn rộng, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn	267	-110	157
65	Xã Vụ Bôn	19	3.846	1	17	1	9	10	Thôn Thanh Thủy (90 hộ) được hình thành trên cơ sở tái định cư lòng hồ đập Krông Búk hạ có đường giao thông đi lại khó khăn, vị trí độc lập, khoảng cách với các thôn liền kề xa, đồng đồng bào DTTS	202	-82	120
66	Xã Dray Bhang	24	8.335	14	10	0	10	14		270	-102	168
67	Xã Ea Ning	32	7.442	6	26	0	15	17		345	-158	187

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
68	Xã Ea Na	33	9.235	16	17	0	17	16		291	-99	192
69	Xã Dur Kmäl	13	2.742	2	6	5	3	10	Buôn Krông (94 hộ), Cuê (259 hộ), Krang (246 hộ), Kmäl (245 hộ) và thôn Sơn Thọ (227 hộ) có vị trí biệt lập, DTTS, dân cư phân tán, phong tục tập quán riêng biệt	110	10	120
70	Xã Hòa Phú	43	11.314	15	28	0	24	19		391	-182	209
71	Phường Buôn Hồ	46	13.794	7	38	1	21	25	Buôn Kli A (280 hộ) có 100% là người DTTS Êđê có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán riêng, lịch sử hình thành lâu đời, có định hướng bảo tồn văn hóa, giá trị truyền thống	395	-120	275
72	Phường Cư Bao	45	8.276	2	43	0	28	17		365	-212	153
73	Xã Krông Pắc	58	14.597	15	43	0	37	21		484	-232	252
74	Xã Ea Kruéc	46	9.186	7	39	0	22	24		501	-233	268
75	Xã Cuôr Đăng	19	6.525	7	12	0	4	15		171	9	180
76	Xã Cư M'gar	26	7.463	9	16	1	10	16	Buôn Bling A (211 hộ) nằm biệt lập, có đồng đồng bào DTTS	289	-99	190

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
77	Xã Ea Tul	35	7.696	6	27	1	18	17	Buôn Hđing (245 hộ) có đồng đồng bào DTTS, dân cư phân tán, cách xa các thôn liền	390	-181	209
78	Xã Ea Kiết	24	4.530	5	18	1	14	10	Buôn Hmông (82 hộ) đặc thù, vị trí địa lý biệt lập, giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách với thôn liền kề xa	208	-88	120
79	Xã Krông Búk	39	7.115	2	37	0	23	16		333	-189	144
80	Xã Cư Pong	24	4.015	0	24	0	14	10		202	-82	120
81	Xã Pong Drang	34	6.792	4	30	0	22	12		283	-139	144
82	Xã Krông Năng	40	9.979	10	30	0	24	16		433	-257	176
83	Xã Dliê Ya	57	9.889	3	54	0	33	24		539	-251	288
84	Xã Ea Drăng	46	11.920	17	29	0	20	26		506	-220	286
85	Xã Ea H'Leo	15	3.923	4	9	2	3	12	Thôn 1 (229 hộ) và buôn Dang (285 hộ) có vị trí địa lý biệt lập, DTTS, bảo vệ an ninh quốc phòng	172	-28	144

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
86	Xã Ea Hiao	40	6.966	1	37	2	23	17	Buôn Chăm (207 hộ) và Buôn Hoai (289 hộ) có vị trí biệt lập, khoảng cách xa so với các thôn khác, địa hình bị chia cắt bởi núi đồi	326	-173	153
87	Xã Ea Khăl	39	7.149	4	35	0	21	18		426	-228	198
88	Phường Tân Lập	33	18.154	23	10	0	6	27		377	-53	324
89	Phường Buôn Ma Thuột	89	40.533	38	51	0	34	55		818	-158	660
90	Phường Tân An	32	15.063	17	15	0	10	22		360	-96	264
91	Xã Ea Wý	36	6.960	1	34	1	19	17	Buôn Tơ Yoa (289 hộ) có DTTS, phong tục tập quán riêng biệt	309	-105	204
92	Xã Ea Súp	46	7.358	1	45	0	26	20		368	-128	240
93	Xã Ia Lốp	12	1.914	0	0	12	0	12	Thuộc xã biên giới, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn	144	0	144

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
94	Xã Ea Rôk	35	6.319	1	33	1	17	18	Buôn Ba Na (134 hộ) có đồng DTTS, vị trí biệt lập, giao thông đi lại khó khăn	256	-58	198
95	Xã Ia Rvê	12	2.053	0		12	0	12	Thuộc xã biên giới, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn	142	2	144
96	Xã Ea Bung	12	2.519	2	10	0	6	6		94	-22	72
97	Xã Buôn Đôn	8	1.765	1	0	7	0	8	Đặc thù là xã biên giới, bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia, diện tích rộng	88	0	88
98	Xã Ea Wer	33	7.361	5	28	0	15	18		322	-106	216
99	Xã Ea Nuôi	46	9.594	4	41	1	21	25	Buôn Ko Đung B (248 hộ) diện tích lớn, vị trí địa lý không thuận lợi (sông Sê Rê Pôk), giao thông đi lại khó khăn	502	-226	276
100	Xã Quảng Phú	37	13.085	23	14	0	10	27		367	-43	324

TT	Đơn vị	Tổng thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ	Trong đó:			Kết quả sau khi thực hiện sắp xếp		Lý do đặc thù không thực hiện sắp xếp	Tổng số người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến tăng, giảm	Dự kiến số người còn lại sau sắp xếp
				Đảm bảo tiêu chuẩn	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn		Giảm	Còn lại				
					Thực hiện sắp xếp	Đặc thù không sắp xếp						
101	Xã Ea M'Droh	30	7.558	9	21	0	13	17		325	-121	204
102	Xã Ea Ktur	46	11.935	10	35	1	25	21	Thôn 11A (222 hộ) nằm biệt lập, địa hình bị chia cắt, xa thôn liền kề	500	-248	252
TỔNG CỘNG		2.801	821.581	769	1.935	97	1.245	1.556		28.278	-9.715	18.563

**PHỤ LỤC II: HIỆN TRẠNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI HỖ TRỢ LÀM VIỆC TRỰC TIẾP
Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng		
1	Phường Hoà Hiệp	185	14	0	14	13	12	0	14	14	14	14	48	0	14	14	
2	Xã Ea Ning	345	32	24	30	32	3	32	32	32	32	32	0	0	32	32	
3	Xã Phú Hòa 2	210	15	6	11	14	15	15	15	15	15	15	44	0	15	15	
4	Xã Ia Lốp	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12	
5	Xã Cư Yang	265	26	20	26	18	0	23	27	26	24	23	0	0	25	27	
6	Xã Phú Hoà 1	179	18	13	17	9	14	0	16	17	16	17	8	1	16	17	
7	Xã Ea Ly	156	12	12	12	12	12	0	12	12	12	12	12	12	12	12	
8	Xã Ea Wer	322	33	30	31	32	0	31	32	23	27	27	0	0	29	27	
9	Xã Sơn Hoà	323	27	6	27	19	20	27	27	26	26	27	28	9	27	27	
10	Xã Đắk Phơi	192	20	19	20	11	0	18	20	17	18	20	0	0	9	20	
11	Xã Krông Pắc	484	58	51	54	20	2	28	49	53	43	33	0	0	47	46	
12	Xã Hòa Mỹ	155	13	13	13	13	13	0	13	13	12	13	13	0	13	13	
13	Xã Tân Tiến	267	21	25	25	22	3	25	24	25	23	25	0	0	24	25	
14	Xã Hòa Thịnh	223	17	5	14	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	
15	Xã Quảng Phú	367	36	34	37	21	10	36	35	32	32	31	0	0	30	33	
16	Xã Cư M'ta	169	13	16	16	12	0	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
17	Xã Suối Trai	174	15	2	14	11	0	15	15	15	15	15	15	14	13	15	
18	Phường Tân Lập	377	29	33	33	27	25	32	33	33	33	33	0	0	33	33	
19	Xã Ea Súp	368	46	26	44	17	0	16	38	33	32	24	0	0	46	46	
20	Xã Ea Hiao	326	34	39	40	6	0	14	24	35	35	29	0	0	34	36	
21	Xã Ea Knốp	443	44	41	43	45	0	0	45	45	45	45	0	0	45	45	
22	Xã Xuân Cảnh	134	11	11	11	11	5	0	11	11	11	11	19	0	11	11	
23	Xã Ea Drông	256	30	31	30	12	0	25	24	18	24	19	0	0	24	19	
24	Xã Ea Bá	119	11	4	7	0	11	0	11	11	11	11	11	9	11	11	
25	Xã Vụ Bồn	202	19	15	18	16	1	19	19	19	19	19	0	0	19	19	
26	Xã Tam Giang	321	28	30	32	17	0	34	31	31	31	26	0	0	27	34	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng	
27	Xã Cư Pong	202	20	21	21	9	0	16	18	18	19	20	0	0	20	20	
28	Xã Ea Phê	565	53	53	53	44	0	46	53	53	51	53	0	0	53	53	
29	Xã Sơn Thành	231	20	1	20	19	13	0	19	20	20	20	38	1	20	20	
30	Xã Ô Loan	199	25	14	12	0	0	0	23	25	25	25	0	0	25	25	
31	Xã Đồng Xuân	232	20	10	14	20	17	0	19	20	20	20	32	0	20	20	
32	Xã Tuy An Bắc	254	20	6	14	19	19	20	20	20	20	20	36	0	20	20	
33	Xã Tuy An Tây	208	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	16	16	
34	Xã Tây Hòa	259	21	1	15	10	18	2	17	18	18	16	52	0	21	50	
35	Phường Buôn Hồ	395	41	46	45	9	0	44	41	38	42	22	0	0	29	38	
36	Phường Cư Bao	365	45	33	45	22	0	0	43	36	43	37	0	0	24	37	
37	Xã Ea Tul	390	33	35	35	35	4	35	33	35	35	35	0	5	35	35	
38	Xã Phú Xuân	476	46	37	38	33	0	46	46	46	46	46	0	0	46	46	
39	Xã Krông Ana	242	26	26	25	15	10	22	24	16	23	16	0	0	13	26	
40	Xã Dray Bằng	270	24	24	24	24	7	23	24	24	24	24	0	0	24	24	
41	Xã Ea Ô	296	29	27	23	6	1	30	30	30	30	30	0	0	30	30	
42	Xã Dliê Ya	539	53	49	51	24	4	49	50	53	54	50	0	0	55	47	
43	Xã Tây Sơn	254	20	5	20	20	19	0	20	20	20	20	32	18	20	20	
44	Xã Cư Pui	206	20	22	25	5	0	24	21	23	19	18	0	0	18	11	
45	Xã Xuân Thọ	111	11	0	11	8	7	0	11	11	10	11	9	0	11	11	
46	Xã Buôn Đôn	88	8	8	8	8	0	8	8	8	8	8	0	0	8	8	
47	Xã Hòa Sơn	342	31	31	31	31	1	31	31	31	31	31	0	0	31	31	
48	Phường Thành Nhà	277	24	23	22	24	16	24	24	24	24	24	0	0	24	24	
49	Xã Krông Bông	257	30	29	30	11	0	0	29	22	28	18	0	0	30	30	
50	Xã Ea Khăl	426	37	39	39	38	0	39	39	39	39	39	0	0	39	39	
51	Xã Tuy An Nam	153	14	3	13	13	13	0	13	14	13	14	16	0	14	13	
52	Phường Tân An	360	32	29	28	26	21	32	32	32	32	32	0	0	32	32	
53	Xã Ea Riêng	217	23	23	22	14	0	18	24	20	19	18	0	0	20	16	
54	Xã Yang Mao	186	19	19	19	17	0	0	19	17	19	19	0	0	19	19	
55	Xã Liên Sơn Lắc	276	31	31	31	2	2	27	28	27	24	26	0	0	24	23	
56	Xã Ea Knuéc	501	41	46	46	45	1	46	46	46	46	46	0	0	46	46	
57	Xã Ea Trang	86	10	6	10	0	0	0	10	10	10	10	0	0	10	10	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi ủy viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng	
58	Phường Sông Cầu	184	18	2	16	13	12	4	17	18	18	18	13	0	17	18	
59	Xã Ia Rvê	142	12	11	12	12	12	12	12	12	12	11	0	0	12	12	
60	Xã Sông Hinh	350	32	6	27	13	29	10	30	28	27	28	32	32	31	25	
61	Xã Tuy An Đông	150	14	1	13	14	12	0	12	14	14	14	15	0	13	14	
62	Xã Ea Na	291	33	32	31	8	8	25	31	31	27	23	0	0	19	23	
63	Xã Krông Á	164	16	14	16	9	0	16	16	16	13	16	0	0	16	16	
64	Xã Ea Păl	161	20	16	19	10	0	5	20	19	17	14	0	0	13	8	
65	Xã Hòa Phú	391	42	37	41	23	4	24	39	40	34	39	0	0	27	41	
66	Xã Ea Nuôl	502	46	46	46	43	1	46	45	46	45	46	0	0	46	46	
67	Xã Phú Mỹ	100	10	4	8	5	9	0	10	10	10	10	3	8	7	6	
68	Xã Ea Kiết	208	24	24	24	8	0	22	15	12	15	16	0	0	24	24	
69	Phường Phú Yên	286	23	1	22	22	22	0	23	23	23	23	58	0	23	23	
70	Phường Xuân Đài	104	11	1	8	4	9	0	11	11	11	11	5	0	11	11	
71	Xã Xuân Lãnh	162	13	13	13	13	13	0	13	13	13	13	13	6	13	13	
72	Xã Ea Bung	94	11	11	9	5	0	0	11	7	8	8	0	0	12	12	
73	Xã Cuôr Đăng	171	19	17	18	5	4	16	15	13	14	15	0	0	16	19	
74	Xã Ea Drăng	506	45	46	46	43	4	46	46	46	46	46	0	0	46	46	
75	Xã Nam Ka	79	8	8	8	7	0	0	8	8	8	8	0	0	8	8	
76	Xã Krông Năng	433	37	40	40	37	0	40	40	40	40	40	0	0	39	40	
77	Xã Đức Bình	201	19	2	19	0	19	0	19	19	19	19	19	9	19	19	
78	Xã M'Drăk	280	31	28	29	0	0	0	32	32	32	32	0	0	32	32	
79	Xã Ea Ktur	500	46	46	46	42	0	46	46	46	44	46	0	0	46	46	
80	Xã Ea Kly	522	48	48	48	41	1	48	48	48	48	48	0	0	48	48	
81	Xã Cư Prao	175	20	20	20	6	0	6	19	19	15	18	0	0	14	18	
82	Xã Dur Kmăl	110	13	12	8	5	0	12	11	11	6	8	0	0	11	13	
83	Xã Dang Kang	270	28	27	27	20	0	0	28	28	28	28	0	0	28	28	
84	Xã Pong Drang	283	33	30	33	3	0	23	29	31	32	27	0	0	30	12	
85	Xã Ea Wy	309	35	21	32	13	0	32	31	31	32	24	0	0	26	32	
86	Xã Ea H'Leo	172	15	13	9	15	15	15	15	15	15	15	0	0	15	15	
87	Xã Krông Búk	333	25	39	35	0	0	0	39	39	39	39	0	0	39	39	
88	Phường Buôn Ma T	818	87	79	78	49	39	77	76	69	76	70	0	0	60	58	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi ủy viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng	
89	Phường Ea Kao	252	25	23	25	19	16	20	19	17	18	20	0	0	25	25	
90	Xã Xuân Phước	88	8	1	7	8	8	8	8	8	8	8	0	0	8	8	
91	Xã Xuân Lộc	167	11	2	12	1	5	0	11	12	12	12	9	56	12	12	
92	Xã Hòa Xuân	169	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	0	13	13	
93	Phường Bình Kiến	230	3	19	4	23	15	11	5	23	23	22	21	15	23	23	
94	Phường Đông Hòa	216	16	2	16	16	16	0	16	16	16	16	56	0	16	14	
95	Xã Cư M'gar	289	25	26	26	25	6	26	26	26	25	26	0	0	26	26	
96	Xã Krông Nô	147	13	11	13	9	12	13	13	13	13	13	0	0	12	12	
97	Xã Vân Hòa	105	11	0	11	8	6	0	10	10	10	10	9	0	9	11	
98	Xã Đắk Liêng	413	36	37	38	36	0	38	38	38	38	38	0	0	38	38	
99	Phường Tuy Hòa	719	57	7	59	57	56	59	59	53	59	35	101	0	58	59	
100	Xã Ea Rốc	256	35	27	32	16	0	29	17	23	15	7	0	0	27	28	
101	Xã Ea M'Droh	325	29	29	30	25	3	30	29	30	30	30	0	0	30	30	
102	Xã Ea Kar	882	98	98	98	0	0	0	98	98	98	98	0	0	98	98	
Tổng cộng		28.278	2.691	2.221	2.622	1.750	733	1.805	2.612	2.588	2.582	2.471	813	212	2.554	2.624	
Chia theo các chức danh:			7.534			15.566										5.178	
			Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh										Lực lượng ANTT và DQTV	

**PHỤ LỤC III: DỰ KIẾN SỐ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI HỖ TRỢ LÀM VIỆC TRỰC TIẾP
Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SAU SẮP XẾP**

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng		
1	Phường Hoà Hiệp	185	14	0	14	13	12	0	14	14	14	14	48	0	14	14	
2	Xã Ea Ning	187	17	17	17	17	0	17	17	17	17	17	0	0	17	17	
3	Xã Phú Hòa 2	210	15	6	11	14	15	15	15	15	15	15	44	0	15	15	
4	Xã Ia Lốp	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12	
5	Xã Cư Yang	110	10	10	10	10	0	10	10	10	10	10	0	0	10	10	
6	Xã Phú Hoà 1	170	16	14	16	7	14	0	16	16	16	16	7	0	16	16	
7	Xã Ea Ly	91	7	7	7	7	7	0	7	7	7	7	7	7	7	7	
8	Xã Ea Wer	216	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	0	0	18	18	
9	Xã Sơn Hoà	187	14	11	14	14	13	14	14	14	14	14	14	9	14	14	
10	Xã Đắk Phơi	108	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	9	9	
11	Xã Krông Pắc	252	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	0	0	21	21	
12	Xã Hòa Mỹ	120	10	10	10	10	10	0	10	10	10	10	10	0	10	10	
13	Xã Tân Tiến	157	14	14	14	14	3	14	14	14	14	14	0	0	14	14	
14	Xã Hòa Thịnh	211	16	5	14	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	
15	Xã Quảng Phú	324	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	0	0	27	27	
16	Xã Cư M'ta	108	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	9	9	
17	Xã Suối Trai	98	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	
18	Phường Tân Lập	324	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	0	0	27	27	
19	Xã Ea Súp	240	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	0	0	20	20	
20	Xã Ea Hiao	153	17	17	17	0	0	0	17	17	17	17	0	0	17	17	
21	Xã Ea Knốp	264	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	0	0	22	22	
22	Xã Xuân Cảnh	123	10	10	10	10	5	0	10	10	10	10	18	0	10	10	
23	Xã Ea Drông	144	16	16	16	0	0	16	16	16	0	16	0	0	16	16	
24	Xã Ea Bá	77	6	6	6	6	6	0	6	6	6	6	6	5	6	6	
25	Xã Vụ Bồn	120	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	10	10	
26	Xã Tam Giang	192	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
27	Xã Cư Pong	120	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	10	10	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi uỷ viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng	
28	Xã Ea Phê	252	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	0	0	21	21	
29	Xã Sơn Thành	183	13	13	13	13	13	0	13	13	13	13	39	1	13	13	
30	Xã Ô Loan	192	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
31	Xã Đồng Xuân	224	17	17	17	17	17	0	17	17	17	17	37	0	17	17	
32	Xã Tuy An Bắc	192	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	36	0	13	13	
33	Xã Tuy An Tây	117	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	9	9	
34	Xã Tây Hòa	259	21	1	15	10	18	2	17	18	18	16	52	0	21	50	
35	Phường Buôn Hồ	275	25	25	25	25	0	25	25	25	25	25	0	0	25	25	
36	Phường Cư Bao	153	17	17	17	0	0	0	17	17	17	17	0	0	17	17	
37	Xã Ea Tul	209	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	0	5	17	17	
38	Xã Phú Xuân	216	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	0	0	18	18	
39	Xã Krông Ana	264	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	0	0	22	22	
40	Xã Dray Bhăng	168	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	0	0	14	14	
41	Xã Ea Ô	156	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	0	0	13	13	
42	Xã Diê Ya	288	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	0	0	24	24	
43	Xã Tây Sơn	124	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	33	7	7	7	
44	Xã Cư Pui	192	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
45	Xã Xuân Thọ	104	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	8	8	
46	Xã Buôn Đôn	88	8	8	8	8	0	8	8	8	8	8	0	0	8	8	
47	Xã Hòa Sơn	220	20	20	20	20	0	20	20	20	20	20	0	0	20	20	
48	Phường Thành Nhà	228	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	0	0	19	19	
49	Xã Krông Bông	130	13	13	13	13	0	0	13	13	13	13	0	0	13	13	
50	Xã Ea Khál	198	18	18	18	18	0	18	18	18	18	18	0	0	18	18	
51	Xã Tuy An Nam	123	10	10	10	10	10	0	10	10	10	10	13	0	10	10	
52	Phường Tân An	264	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	0	0	22	22	
53	Xã Ea Riêng	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12	
54	Xã Yang Mao	95	9	9	9	7	7	0	9	9	9	9	0	0	9	9	
55	Xã Liên Sơn Lắc	180	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	0	0	15	15	
56	Xã Ea Knuéc	268	24	24	24	24	4	24	24	24	24	24	0	0	24	24	
57	Xã Ea Trang	45	5	5	5	0	0	0	5	5	5	5	0	0	5	5	
58	Phường Sông Cầu	185	16	16	16	13	11	4	16	16	16	16	13	0	16	16	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi ủy viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng	
59	Xã Ia Rvê	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12	
60	Xã Sông Hình	168	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	
61	Xã Tuy An Đông	132	12	3	11	12	12	0	10	12	12	12	13	0	11	12	
62	Xã Ea Na	192	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
63	Xã Krông Á	108	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	9	9	
64	Xã Ea Păl	84	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	7	7	
65	Xã Hòa Phú	209	19	19	19	19	0	19	19	19	19	19	0	0	19	19	
66	Xã Ea Nuól	276	25	25	25	25	1	25	25	25	25	25	0	0	25	25	
67	Xã Phú Mỹ	126	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	
68	Xã Ea Kiết	120	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	10	10	
69	Phường Phú Yên	282	23	1	22	20	21	0	23	23	23	23	57	0	23	23	
70	Phường Xuân Đài	84	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	
71	Xã Xuân Lãnh	113	9	9	9	9	9	0	9	9	9	9	9	5	9	9	
72	Xã Ea Bung	72	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	6	6	
73	Xã Cuôr Đăng	180	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	0	0	15	15	
74	Xã Ea Drăng	286	26	26	26	26	0	26	26	26	26	26	0	0	26	26	
75	Xã Nam Ka	55	5	0	5	5	5	5	5	5	5	5	0	0	5	5	
76	Xã Krông Năng	176	16	16	16	0	16	16	16	16	16	16	0	0	16	16	
77	Xã Đức Bình	102	8	8	8	8	8	0	8	8	8	8	8	6	8	8	
78	Xã M'Đrăk	190	16	16	16	16	16	16	16	16	16	14	0	0	16	16	
79	Xã Ea Ktur	252	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	0	0	21	21	
80	Xã Ea Kly	240	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	0	0	20	20	
81	Xã Cư Prao	96	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	0	8	8	
82	Xã Dư Kmăl	120	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	10	10	
83	Xã Dang Kang	130	13	13	13	13	0	0	13	13	13	13	0	0	13	13	
84	Xã Pơng Drang	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12	
85	Xã Ea Wy	204	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	0	0	17	17	
86	Xã Ea H'Leo	144	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	12	12	
87	Xã Krông Búk	144	16	16	16	0	0	0	16	16	16	16	0	0	16	16	
88	Phường Buôn Ma T	660	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	0	0	55	55	
89	Phường Ea Kao	181	18	17	18	14	12	14	13	13	12	14	0	0	18	18	

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp										Lực lượng ATTT	Lực lượng DQTV
			Bí thư	Trưởng thôn, tổ dân phố	Trưởng ban Công tác Mặt trận	Phó Bí thư	Phó Trưởng thôn, tổ dân phố	Phó Trưởng ban Công tác Mặt trận	Bí thư Chi Đoàn TNCS HCM	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Chi hội trưởng Hội Nông dân	Chi ủy viên (đối với 34 xã phía đông)	Người cốt cán (đối với 34 xã phía đông)	Tổ trưởng	Tổ trưởng	
90	Xã Xuân Phước	88	8	1	7	8	8	8	8	8	8	8	8	0	0	8	8
91	Xã Xuân Lộc	216	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	60	12	12
92	Xã Hòa Xuân	117	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	9	9
93	Phường Bình Kiến	207	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	0	15	16
94	Phường Đông Hòa	225	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	45	0	15	15
95	Xã Cư M'gar	190	16	16	16	16	16	15	16	16	15	16	0	0	16	16	
96	Xã Krông Nô	84	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	7	7	
97	Xã Vân Hòa	89	7	5	7	5	7	4	7	6	6	7	13	2	6	7	
98	Xã Đắk Liêng	251	18	18	17	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18
99	Phường Tuy Hòa	585	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	0	45	45
100	Xã Ea Rốk	198	18	18	18	18	0	18	18	18	18	18	0	0	18	18	
101	Xã Ea M'Droh	204	17	17	17	17	17	17	17	17	17	17	0	0	17	17	
102	Xã Ea Kar	324	36	36	36	0	0	0	36	36	36	36	0	0	36	36	
Tổng cộng		18.563	1.559	1.454	1.543	1.400	1.182	1.239	1.548	1.550	1.532	1.548	689	175	1.556	1.588	
Chia theo các chức danh			4.556			10.863										3.144	
			Người hoạt động không chuyên trách			Người hỗ trợ làm việc trực tiếp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh										Lực lượng ANTT và DQTV	